TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 09-3-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rỏn.

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh H - Sinh năm 1982 - Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An - Chỗ ở hiện nay: Khu phố K, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị Hồng T - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Duy G - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2021, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ngày 30-12-2019, ông cho bà Mai Thị Hồng T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1.6%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, có viết giấy vay tiền. Bà T trả cho ông được tổng cộng số tiền 24.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể:

Ngày 05-11-2020, trả 20.000.000 đồng.

Ngày 17-4-2021, trả 2.000.000 đồng.

Ngày 18-5-2021, trả 2.000.000 đồng.

Bà T còn nợ ông số tiền 76.000.000 đồng.

Ông khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị Hồng T và ông Vũ Duy G (chồng bà T) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 87.754.000 đồng; trong đó: 76.000.000 đồng tiền gốc và 11.754.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

76.000.000 đồng x 1.6%/tháng x 09 tháng 20 ngày (từ ngày 19-5-2021 đến ngày xét xử 09-3-2022) = 11.754.000 đồng.

Bị đơn bà Mai Thị Hồng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Minh H khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Mai Thị Hồng T Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông bà, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bà T, ông G không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì ông bà đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và trình bày không thỏa thuận được với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Về nội dung: Xét việc ông H yêu cầu bà T và ông G có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 87.754.000 đồng (gồm: 76.000.000 đồng tiền gốc và 11.754.000 đồng tiền lãi) là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[4.1] Về tiền gốc 76.000.000 đồng: Lời trình bày của ông H phù hợp giấy vay tiền ngày 30-12-2019 ông H cung cấp số tiền bà T vay là 100.000.000 đồng. Ông H thừa nhận bà T đã trả 24.000.000 đồng, nên tiền vay gốc bà T còn nợ ông H là 76.000.000 đồng. Bà T và ông G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành lấy lời khai, tuy nhiên bà T và ông H không có mặt ở nhà vào thời điểm Tòa án tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ ông H nộp và lời trình bày của ông H để giải quyết vụ án. Ông G có quan hệ vợ chồng hợp pháp với bà T (tại thời điểm giao dịch dân sự được thực hiện), ông G vắng mặt không cung cấp chứng cứ thể hiện bà T dùng số tiền vay vào mục đích riêng, nên ông G có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, xét bà T nợ ông H số tiền 76.000.000 đồng nên bà T, ông G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về tiền lãi 11.754.000 đồng: ông H yêu cầu bà T, ông G có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì ông H yêu cầu thời gian tính lãi, số tiền dùng để tính lãi, lãi suất 1.6%/tháng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ các nhận định trên, cần buộc bà T và ông G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 87.754.000 đồng.

[6] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp.

[8] Bà T và ông G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 87.754.000 đồng, nên có nghĩa vụ chịu 4.387.700 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Mai Thị Hồng T, ông Vũ Duy G.

Buộc bà Mai Thị Hồng T và ông Vũ Duy G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền 87.754.000 đồng (Tám mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Mai Thị Hồng T và ông Vũ Duy G có nghĩa vụ liên đới chịu 4.387.700 đồng (Bốn triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng) tiền án phí.

Ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí. Trả lại cho ông H 2.481.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm, tám mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0005005 ngày 12-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-3-2022). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái